

Số: 609/HDLN-LĐTBXH-NN&PTNT-TC

Quảng Trị, ngày 30 tháng 3 năm 2018

**HƯỚNG DẪN LIÊN NGÀNH**  
**Về việc hướng dẫn triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn**  
**trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018-2020**

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Quyết định 1956/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ Sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ; khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BCT-BTTTT về việc hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp;

Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của

Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 14/2016/QĐ- UBND ngày 16/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành danh mục, mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn, người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Kế hoạch số 264/KH-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh về việc đào tạo nghề cho lao động tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 4325/KH-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh về Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

Liên ngành: Lao động-Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính thống nhất hướng dẫn triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn như sau:

## **I. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng đào tạo**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Hướng dẫn này áp cho việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Quyết định 1956/QĐ-TTg.

### **2. Đối tượng đào tạo**

#### **a) Đối tượng chung:**

Lao động nông thôn từ đủ 15 tuổi đến 60 tuổi (đối với nam), 55 tuổi (đối với nữ), có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học, bao gồm:

- Người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã.

- Người lao động có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

b) Đối tượng ưu tiên: Các nhóm đối tượng sau đây được ưu tiên học nghề theo thứ tự từ trên xuống

#### **- Nhóm 1:**

+ Lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được xác định theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 quy định chi tiết, hướng dẫn một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 59/2015/QĐ- TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020.

+ Người Khuyết tật được xác định theo quy định tại Nghị định số

28/2012/NĐ- CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người Khuyết tật.

+ Người bị thu hồi đất nông nghiệp được xác định theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

+ Lao động là người dân tộc thiểu số, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân.

- Nhóm 2:

+ Nông dân tham gia các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, làng nghề, làng nghề truyền thống, vùng chuyên canh (lúa, cà phê, hồ tiêu, cao su, nuôi trồng thủy sản, rau màu thực phẩm, cây dược liệu, vùng chăn nuôi gia trại, trang trại, các mô hình công nghệ cao...), thành viên của các Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh gắn đào tạo với liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp phù hợp với các nội dung tại Nghị quyết số 01/2014/NQ- HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2014 và Nghị quyết 03/2017/NQ- HĐND ngày 23/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Nông dân tham gia các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình Xây dựng nông thôn mới, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình giảm nghèo bền vững (Chương trình 135, 30a) và các mô hình đã thí điểm có hiệu quả ở nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Nhóm 3: các đối tượng còn lại

c) Không tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học.

## **II. Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề**

### **1. Quan điểm xây dựng kế hoạch**

- Công tác xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn phải xuất phát từ cấp cơ sở là cấp xã. Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn phải gắn liền với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch xây dựng nông thôn mới; quy hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ của địa phương.

- Tập trung đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn đủ trình độ, năng lực vào làm việc ở các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ, làng nghề, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, dự án đầu tư lớn và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để chuyển đổi nghề; đào tạo nghề nông nghiệp cho một bộ phận lao động nông thôn để thực hành sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại; góp phần nâng cao chất lượng lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Đối với các xã điểm nông thôn mới, các xã được lựa chọn để nhân rộng mô hình cần bố trí kinh phí nhiều hơn.

## **2. Trình tự xây dựng kế hoạch**

### **a) Ủy ban nhân dân cấp xã**

Đề xuất Kế hoạch đào tạo nghề nông thôn của địa phương mình (*theo Mẫu số 01*) gửi kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) và kế hoạch đào tạo nghề phi nông nghiệp cho Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội.

### **b) Các cơ quan chuyên môn cấp huyện**

*\* Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế):*

Rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề nông nghiệp trên địa bàn; đề xuất cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề nông nghiệp; tổng hợp (*theo Mẫu số 02*) và gửi Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp.

*\* Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội:*

- Rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề phi nông nghiệp trên địa bàn; đề xuất cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề phi nông nghiệp.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp huyện tiến hành rà soát lần cuối để đề xuất UBND huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) ký thông qua kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn (*theo Mẫu số 02*) và gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với nghề nông nghiệp) và Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (đối với nghề phi nông nghiệp).

### **c) Các Sở ban ngành cấp tỉnh**

*\* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:*

Rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh, tổng hợp (*theo Mẫu số 02*) và gửi Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.

*\* Sở Lao động-Thương binh và Xã hội:*

Rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề phi nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh; Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan tiến hành rà soát lần cuối để đề xuất UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm.

## **III. Tổ chức đào tạo nghề**

### **1. Điều kiện để các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

#### **a) Đối với đào tạo trình độ Sơ cấp**

Các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Mục 1 Chương III Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và Mục 1 Chương II Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp

vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nghề đào tạo.

#### b) Đối với Đào tạo thường xuyên

Các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 6 Chương III Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và thông báo bằng văn bản trước khi tổ chức ký hợp đồng đào tạo với các đơn vị (Văn bản thông báo đủ điều kiện mở lớp phải ghi rõ: tên nghề đào tạo, số học viên tham gia và địa điểm đào tạo).

### 2. Triển khai đào tạo

#### a) Ký kết hợp đồng đào tạo

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện tiến hành ký hợp đồng đào tạo nghề cho lao động nông thôn với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, thẩm định theo quy định tại Khoản 1 Mục III của Hướng dẫn này.

##### \* Đối với cấp tỉnh:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức ký hợp đồng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức ký hợp đồng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn (hoặc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất là đơn vị làm chủ đầu tư và được UBND tỉnh phê duyệt theo kế hoạch).

##### \* Đối với cấp huyện:

- UBND cấp huyện ký hợp đồng đặt hàng trực tiếp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn để thực hiện đào tạo nghề phi nông nghiệp và nghề nông nghiệp (hoặc ủy quyền Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức ký hợp đồng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế tổ chức ký hợp đồng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn) theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện (hoặc đơn vị được UBND cấp huyện ủy quyền ký hợp đồng đào tạo) về việc thực hiện kế hoạch đào tạo, quyết toán tài chính theo đúng quy định hiện hành.

#### b) Hồ sơ ký kết hợp đồng

Hồ sơ ký kết hợp đồng, được lập thành 02 bản để lưu hồ sơ đào tạo, gồm:

- Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn (theo Mẫu số 03);
- Đơn xin học nghề của người học (theo Mẫu số 04 gửi);
- Danh sách học viên học nghề, lưu ý phân loại đối tượng theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg và Quyết định 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ, có xác nhận của Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố, thị xã (theo Mẫu số 05).

- Chương trình đào tạo nghề theo kế hoạch.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp kèm theo danh sách trích ngang của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là nhà giáo) tham gia giảng dạy đã được Sở Lao động- TB&XH cấp phép đối với trình độ Sơ cấp hoặc Văn bản thông báo đủ điều kiện mở lớp kèm theo danh sách trích ngang của nhà giáo tham gia giảng dạy đối với Đào tạo thường xuyên.

*Trong trường hợp danh sách nhà giáo tham gia giảng dạy khác với danh sách nhà giáo tại Hồ sơ đề nghị Sở Lao động- TB&XH cấp phép trình độ Sơ cấp (hoặc thông báo đủ điều kiện mở lớp đối với đào tạo thường xuyên) thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải gửi Danh sách trích ngang kèm theo văn bằng, chứng chỉ của nhà giáo tham gia giảng dạy đến Sở Lao động- TB&XH để thẩm định và có ý kiến bằng văn bản trước khi ký kết hợp đồng.*

- Dự toán chi phí đào tạo: Cơ sở lập dự toán chi phí đào tạo căn cứ theo Quyết định (có hiệu lực) của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành danh mục, mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn, người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ Sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Thông tư 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng (theo Mẫu số 06).

### **3. Thời gian đào tạo, sổ sách biểu mẫu quản lý**

#### **a) Thời gian triển khai đào tạo**

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt, đề nghị các đơn vị tập trung rà soát, triển khai thực hiện theo đúng đối tượng và thời gian đào tạo phù hợp với nghề đào tạo, đặc điểm của quy trình sản xuất, quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi ở từng vùng, từng địa phương và phù hợp với nhu cầu của người học.

Trong quá trình triển khai đào tạo đối với một số nghề cần đào tạo sớm cho phù hợp với chu kỳ sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi hoặc trong quá trình mở lớp rơi vào mùa vụ thu hoạch hoặc sản xuất gieo trồng thì các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được giao nhiệm vụ đào tạo nghề có văn bản gửi Sở Lao động- TB&XH; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) đối với cấp tỉnh; UBND cấp huyện (hoặc Phòng Lao động- TB&XH, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, quyết định triển khai đào tạo trước và ký hợp đồng sau.

#### b) Sổ sách biểu mẫu quản lý

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 32 Chương VIII Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định về đào tạo sơ cấp và Điều 13 Chương III Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên.

#### **4. Chính sách đối với người học, nhà giáo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

##### a) Đối với người học

- Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

- Mức hỗ trợ:

+ Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

+ Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

Các chính sách khác đối với người học thực hiện theo quy định hiện hành.

##### b) Đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

Thực hiện theo khoản 2, mục III, Điều 1, Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

##### c) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Thực hiện theo Khoản 4, Điều 1, Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

d) Các chính sách khác theo quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp.

#### **IV. Một số nội dung liên quan**

##### **1. Phân bổ, quản lý, sử dụng và thanh toán kinh phí**

###### a) Phân bổ kinh phí

Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn được Ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm (từ nguồn Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới); UBND tỉnh giao các địa phương, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý và sử dụng theo Quyết định phân cấp ngân sách hàng năm của UBND tỉnh.

Ngoài kinh phí hỗ trợ của Ngân sách Trung ương thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn, các địa phương chủ động bố trí ngân sách địa phương theo Kế hoạch số 264/KH-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh về việc đào tạo nghề cho lao động tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2021; kinh phí bồi thường của Formoussa; thực hiện lồng ghép, huy động từ các nguồn lực khác dành cho đào tạo nghề gắn kết với hỗ trợ việc làm và cải thiện sinh kế từ các chương trình, dự án, đề án .... để đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch đào tạo nghề hàng năm và phát huy hiệu quả từ các ngành nghề được đào tạo.

b) Quản lý, sử dụng và thanh toán kinh phí

Việc lập, phân bổ, giao dự toán, quản lý sử dụng, hạch toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

c) Phân cấp về cấp phát, quản lý, quyết toán kinh phí:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý, quyết toán kinh phí cấp huyện; Sở Tài chính chịu trách nhiệm cấp phát, quản lý, quyết toán kinh phí đối với các đơn vị cấp tỉnh.

- Kho bạc Nhà nước cấp huyện, Phòng Giao dịch KBNN tỉnh thực hiện kiểm soát thanh toán theo phân cấp; KBNN tỉnh thực hiện kiểm soát thanh toán đối với các đơn vị cấp tỉnh.

- Các đơn vị được giao sử dụng kinh phí: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

d) Tạm ứng kinh phí: Căn cứ Điều 11, Thông tư 152/2016/17/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng, các cơ sở thực hiện đào tạo nghề được tạm ứng 50% giá trị hợp đồng để triển khai thực hiện; 50% còn lại sẽ thanh toán sau được nghiệm thu thanh lý theo quy định.

đ) Một số điều khoản thanh toán: Căn cứ Mục c, Khoản 5, Phần V của Quyết định 1600/QĐ- TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020: đối với các lớp dạy nghề nông nghiệp mua vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa khác (do người dân trực tiếp làm ra) khi mua trực tiếp của dân để sử dụng trong dạy thực hành cho học viên thì giá cả phải phù hợp mặt bằng chung của thị trường trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn nơi bán, được UBND cấp xã xác nhận.

Đối với các hoạt động mua sắm vật tư, dịch vụ của các đơn vị, cá nhân có đăng ký kinh doanh thì cần có hóa đơn tài chính theo quy định của nhà nước. Riêng đối với nguồn vốn lồng ghép khác trên địa bàn tỉnh thì thanh toán theo chế độ hiện hành.



**2. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn lòng ghép các nguồn vốn tổ chức đào tạo nghề gắn với các mô hình phát triển sản xuất để làm điểm nhân rộng, mô hình phát triển sản xuất cho người nghèo, mô hình cây con có lợi thế cạnh tranh của tỉnh.**

- Sở Lao động- Thương binh và Xã hội phối hợp với UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với doanh nghiệp thực hiện có hiệu quả mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm đối với các nghề phi nông nghiệp.

- Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ưu tiên đào tạo nghề nông nghiệp gắn với mô hình công nghệ cao, mô hình cây con có lợi thế cạnh tranh của tỉnh (theo các Nghị quyết, đề án của tỉnh)... Trong đó chú trọng vào các đối tượng là nhóm nông dân nông cốt tại các địa phương.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tổ chức các lớp đào tạo nghề cho người dân gắn với các mô hình phát triển sản xuất (thuộc Chương trình MTQG: xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn tỉnh)... Trong đó chú trọng nhóm đối tượng chính sách, hộ nghèo, cận nghèo và hộ mới thoát nghèo nhằm giúp người học dễ dàng tiếp cận kiến thức và nâng cao tay nghề sau khi học.

### **3. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm**

- Ban Chỉ đạo đề án 1956 các cấp; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp huyện căn cứ thẩm quyền và chức năng nhiệm vụ theo quy định tổ chức kiểm tra đột xuất, định kỳ các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cơ sở. Tiến hành xử lý đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vi phạm hợp đồng đào tạo nghề hoặc những sai phạm trong quá trình tổ chức đào tạo nghề.

- UBND cấp xã có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cơ sở vật chất, tìm kiếm việc làm mới để huy động lao động tham gia học nghề, đồng thời yêu cầu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công khai chi phí và các chính sách hỗ trợ cho người học nghề. Tổ chức kiểm tra, giám sát, kiến nghị BCD1956 cấp huyện xử lý những sai phạm (nếu có) của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Việc xử lý vi phạm và mức xử phạt về vi phạm trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định 79/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về việc Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

### **4. Công tác giám sát, đánh giá và chế độ báo cáo**

- UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện; UBND cấp xã thực hiện đầy đủ các nội dung, chỉ tiêu giám sát, đánh giá theo quy định (theo Mẫu số 07).

- Tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện việc giám sát, đánh giá của địa phương báo cáo về cơ quan thường trực Ban chỉ đạo cấp tỉnh (Sở Lao động- Thương binh và Xã hội), Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020. Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 646/CVDN-LN ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Liên ngành: Lao động-Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài chính và Kho bạc Nhà nước tỉnh.

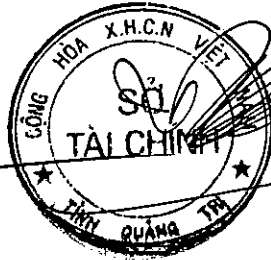
Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (Cơ quan thường trực Đề án 1956 cấp tỉnh) để xem xét, sửa đổi bổ sung./.

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**  
**KT. GIÁM ĐỐC** *TA*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Thanh Hiền**

**SỞ TÀI CHÍNH**  
**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hồ Minh Tuấn**

**SỞ LAO ĐỘNG- TB&XH**  
**KT. GIÁM ĐỐC** *M*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Dương Thị Hải Yến**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: LĐTBXH, NN&PTNT, TC;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Chi cục PTNT;
- VT, DN. *45*

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM .....**

**I. Tên nghề:** .....

1. Số lượng lao động cần đào tạo:

2. Địa điểm tổ chức mở lớp:

3. Các căn cứ để xác định nghề:

- Quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương:.....
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới .....
- Quy hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương....
- Nhu cầu của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn....
- Nhu cầu của người lao động .....
- Căn cứ khác (ghi cụ thể).....

**II. Tên nghề:** .....

1. Số lượng lao động cần đào tạo:

2. Địa điểm tổ chức mở lớp:

3. Các căn cứ để xác định nghề:

- Quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương:.....
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới .....
- Quy hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương....
- Nhu cầu của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn....
- Nhu cầu của người lao động .....
- Căn cứ khác (ghi cụ thể).....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**TM. UBND**.....

**CHỦ TỊCH**

(ký tên, đóng dấu)

Đơn vị .....

Mẫu số 02

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM .....**

TT	Tên nghề đào tạo	Số tháng đào tạo	Số lớp	Dự kiến địa điểm tổ chức	Dự kiến đơn vị đào tạo	Số học viên (người)	Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn (đồng)			Ghi chú
							Tổng cộng	Dự kiến kinh phí hỗ trợ theo QĐ 14/QĐ-UBND	Dự kiến kinh phí hỗ trợ theo QĐ 46/2015/QĐ-TTg	
<b>I</b>	<b>Nghề phi nông nghiệp</b>									
1										
2										
....										
<b>II</b>	<b>Nghề nông nghiệp</b>									
1										
2										
...										

....., ngày tháng năm .....

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên đóng dấu)

## HƯỚNG DẪN CÁCH GHI MẪU SỐ 02

### ***1. Số tháng đào tạo***

Căn cứ Quyết định 14/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành danh mục, mức chi phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dạy nghề dưới 03 tháng cho lao động nông thôn, người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Trường hợp nghề mới thì có thể đề xuất thời gian hoặc để trống.

### ***2. Dự kiến đơn vị đào tạo***

Căn cứ vào điều kiện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn. Trường hợp nghề mới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn không tổ chức được thì để trống.

### ***3. Dự kiến kinh phí hỗ trợ***

Lấy số học viên nhân với định mức được quy định Quyết định 14/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị; lấy số học viên thuộc đối tượng được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại nhân với định mức hỗ trợ theo quy định tại QĐ 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp nghề mới không có trong danh mục nghề đã được công bố thì có thể đề xuất, hoặc để trống.

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM ...**

Kính gửi: .....

TT	Ngành nghề/ cơ sở đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian	Tiến độ đào tạo	Địa điểm đào tạo	Số lớp	Số người	Kinh phí đào tạo (đồng)		
								Trung ương	Địa phương	Nguồn khác
1	Nghề									
2										
3										
	<b>Tổng cộng</b>									

**Thủ trưởng đơn vị (lập kế hoạch đào tạo)**  
(Ký tên, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC NGHỀ**

Họ và tên:.....  Nam,  Nữ.....

Sinh ngày..... tháng..... năm..... Dân tộc:..... Tôn giáo:.....

Số CMTND:..... Nơi cấp:..... Ngày cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Trình độ học vấn:..... Điện thoại liên hệ:.....

Đối tượng theo Quyết định 1956/QĐ-TTg (Đề nghị đánh dấu vào 1 trong 3 ô trống):

Người có công với cách mạng và con của họ (ghi rõ con liệt sĩ, công thương binh nặng, con bệnh binh nặng.....), hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người bị thu hồi đất canh tác.

.....

Người thuộc hộ cận nghèo.

Đối tượng lao động nông thôn khác

Tôi chưa được hỗ trợ học nghề theo chính sách của Quyết định 1956; chưa được hỗ trợ học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước. Nay tôi làm đơn đăng ký học nghề:..... do (CSDN): .....

tổ chức đào tạo tại:.....

Dự kiến việc làm sau khi học (Đề nghị đánh dấu vào 1 trong 4 ô trống):

Tự tạo việc làm  Được doanh nghiệp, đơn vị bao tiêu sản phẩm  Được doanh nghiệp, người sử dụng lao động ký hợp đồng lao động  Đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Nếu được tham gia lớp học, tôi xin chấp hành nội quy lớp học, quy định của cơ sở dạy nghề.

Tôi xin cam đoan những thông tin trên hoàn toàn đúng sự thật, nếu có gì không đúng, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

**Xác nhận của UBND xã**

..... Xác nhận Ông (bà)  
..... có hộ khẩu thường  
trú/tạm trú tại xã:..... và  
thuộc diện đối tượng(1): .....

**TM. UBND xã**.....

(Ký tên và đóng dấu)

....., ngày .... tháng ... năm 20....

**Người viết đơn**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(1) Ghi cụ thể đối tượng của người có đơn đăng ký học nghề.

### DANH SÁCH HỌC VIÊN

Tên nghề: .....

Cấp trình độ đào tạo: .....

Số lượng học viên:.....

Địa điểm đào tạo: .....

Thời gian đào tạo:.....

Tiến độ đào tạo:.....tháng; Từ ngày .... tháng năm 201.. đến ngày tháng năm 201 ...

Số tiết (giờ) học: Tổng số tiết:.....tiết, trong đó: lý thuyết: ..... tiết; thực hành.....tiết; giám sát:..... tiết.

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Số giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (nếu có)	Ghi chú (nếu là đối tượng chính sách không phải là hộ nghèo)
		Nam	Nữ			
1						
2						

**Trưởng phòng LĐ-TB và XH**

**Huyện/Thành phố/Thị xã....**

Xác nhận những học viên trên chưa qua đào tạo nghề và là học viên

thuộc diện chính sách./.

(Ký tên, đóng dấu)

**Giám đốc/Hiệu trưởng CSDN**

(Ký tên, đóng dấu)



**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM.....**

Tên nghề: .....

Số lượng học viên: .....

Địa điểm đào tạo: .....

Kinh phí đào tạo: .....

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Thuê mướn				
1	Thuê phòng học				
2	Thuê giáo viên				
B	Chi phí chuyên môn, nghiệp vụ				
1	Vật liệu				
2	Thiết bị dạy học				
.....					
c					

**Hiệu trưởng/ Giám đốc CSDN**  
(ký tên, đóng dấu)

**Kế toán**

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NGHỀ  
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2020**

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Thời điểm, phương pháp thu thập
I. CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH	1. Số địa phương đã xây dựng quy chế hoạt động của ban chỉ đạo.	Theo dõi và báo cáo số liệu thống kê định kỳ 6 tháng, 1 năm
	2. Số đoàn công tác đi hướng dẫn, kiểm tra các địa phương (xã) về triển khai và thực hiện Đề án.	
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN	1. Tổng số lớp dạy nghề đã tổ chức, phân theo 4 nhóm: (nông nghiệp, làng nghề, công nghiệp - dịch vụ và đánh bắt xa bờ).	Theo dõi và báo cáo số liệu thống kê định kỳ 6 tháng, 1 năm
	2. Số LĐNT được học nghề trong năm, phân theo: Học nghề thường xuyên dưới 3 tháng (nông nghiệp, làng nghề, công nghiệp - dịch vụ và đánh bắt xa bờ). - Đặt hàng dạy nghề (Trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề) - Nhóm đối tượng được hỗ trợ (3 nhóm đối tượng).	
	3. Tỷ lệ LĐNT được học nghề trong năm $= \left[ \frac{\text{Số LĐNT được học nghề}}{\text{Tổng số người có nhu cầu học nghề}} \right]$	Theo báo cáo và kết quả kiểm tra, giám sát 6 tháng, 1 năm
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN	4. Số nghề đã được biên soạn mới chương trình, giáo trình, phân theo: - Trình độ đào tạo (Sơ cấp nghề, dạy nghề dưới 3 tháng). - Nhóm nghề đào tạo (nông nghiệp, phi nông nghiệp).	Theo dõi và báo cáo số liệu thống kê định kỳ 6 tháng, 1 năm
	5. Số giáo viên/người dạy nghề được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề.	
	6. Số cán bộ, công chức xã được đào tạo bồi dưỡng.	
	7. Số hộ được vay vốn (phân theo các nguồn: ngân hàng Chính sách - Xã hội, Quỹ QG GQVL... học nghề).	
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN	8. Kinh phí đã sử dụng phân theo nguồn (trung ương, địa phương, nguồn khác).	Theo dõi và báo cáo số liệu thống kê định kỳ 6 tháng, 1 năm
	9. Số doanh nghiệp/đơn vị tham gia ký kết hợp đồng 3 bên, phân theo: - Loại hình doanh nghiệp. - Ngành nghề sản xuất - kinh doanh. - Hình thức hỗ trợ (tuyển dụng, bao tiêu sản phẩm, hỗ trợ khác...)	
III. HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DẠY NGHỀ CHO LĐNT	1. Số lao động sau khi học nghề làm đúng với nghề được đào tạo, phân theo: - Số LĐNT tự tạo việc làm. - Số LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng.	Theo báo cáo và kết quả kiểm tra giám sát 6 tháng, 1 năm
	2. Tỷ lệ LĐNT làm đúng với nghề được đào tạo, phân theo 03 nhóm ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ	

Tỷ lệ được tính bằng: $\frac{\text{Số LĐNT sau khi học nghề, làm đúng với nghề được đào}}{[\text{Số LĐNT đã tham gia học nghề}]}$
3. Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo sau 1 năm học nghề.
4. Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ khá (1) (thống kê sau 1 năm học nghề).
5. Số doanh nghiệp/đơn vị thực hiện theo đúng cam kết đã ký.
6. Số xã có hộ sau học nghề trở thành khá (tỷ lệ từ 10% trở lên (thống kê sau 1 năm học nghề).
7. Tỷ lệ lao động trong xã chuyển từ lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp sau học nghề.

**Ghi chú:**

Đối với cấp huyện: Địa phương được thống kê theo số xã

<sup>(1)</sup> Hộ khá: là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người/năm cao hơn mức tiêu chí về thu nhập (Tiêu chí số 10) theo Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.